UBND PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG
PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/QĐ-VHXH

P. Nguyễn Đại Năng, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Phòng Văn hóa – Xã hội phường Nguyễn Đại Năng

TRƯỞNG PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI
PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-SNV ngày 23/01/2026 của Giám đốc Sở nội vụ về việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện chính sách chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (Nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu)

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 21/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Đại Năng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước

Xét chức năng, nhiệm vụ phòng Văn hóa – xã hội phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Phòng Văn hóa – xã hội phường Nguyễn Đại Năng.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đồng chí có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công;
- Lưu: VT,VHXH./.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG - T.P HỒ CHÍ MINH

Tô Thị Phương

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Phòng Văn hóa - xã hội phường Nguyễn Đại Năng

Chương: 832

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-VHXH ngày 26/01/2026 của Phòng Văn hóa - xã hội)

ĐV tính: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	**Chi sự nghiệp**	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**23.464.000.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**2.397.000.000**
1.1	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ*	*1.679.000.000*
1.2	*Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ*	*630.000.000*
1.3	*Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng*	*88.000.000*
2	Nghiên cứu khoa học	**357.000.000**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	357.000.000
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**200.000.000**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	200.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**180.000.000**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	180.000.000
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**20.330.000.000**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.330.000.000
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.000.000.000
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

P. Nguyễn Đại Năng, ngày 26 tháng 01 năm 2026

KẾ TOÁN

Hồ Thị Thu Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG - T.P HẢI PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

TÔ THỊ PHƯƠNG

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Phòng Văn hóa - xã hội phường Nguyễn Đại Năng

Chương: 832

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-VHXH ngày 26/01/2026 của Phòng Văn hóa - xã hội)

ĐV tính: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	**Chi sự nghiệp**	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**8.049.788.300**
1	**Chi quản lý hành chính**	**0**
1.1	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ*	
1.2	*Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ*	
1.3	*Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng*	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**8.049.788.300**
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**8.049.788.300**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.049.788.300
	Chi trợ cấp ưu đãi thường xuyên cho Người có công với cách mạng	7.931.444.000
	Trang cấp DCCH và phương tiện trợ giúp NCC	10.410.000
	Chi điều dưỡng phục hồi sức khỏe	107.934.300
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	

6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

P. Nguyễn Đại Năng, ngày 26 tháng 01 năm 2026

KẾ TOÁN

Hồ Thị Thu Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG - T.P HẢI PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

TÔ THỊ PHƯƠNG